

TÁC ĐỘNG CỦA ODA TỚI TĂNG TRƯỞNG GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CÁC TỈNH TIỂU VÙNG TÂY BẮC

Nguyễn Thị Lan Anh*, Nguyễn Thị Bất**

Ngày nhận: 9/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 30/11/2014

Ngày duyệt đăng: 20/12/2014

Tóm tắt:

Nghiên cứu này nhằm xem xét tình hình thu hút đầu tư ODA của các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) cũng như việc sử dụng nguồn vốn ODA có hiệu quả hay không trong giai đoạn từ 1993 đến 2013. Nghiên cứu sử dụng mô hình hồi quy OLS và hồi quy dữ liệu mảng (Panel data) để thực hiện mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Kết quả mô hình cho thấy ODA tác động tới sự phát triển của vùng sau đó 1 năm (độ trễ 1). Bên cạnh đó nghiên cứu cũng cho thấy vốn đầu tư trong nước có tác động tức thời tới GDP bình quân của vùng và yếu tố lực lượng lao động trên 15 tuổi cũng có tác động tích cực lên tăng trưởng GDP bình quân 3 tỉnh trong vùng. Cả ba nhân tố ODA, vốn đầu tư trong nước và lực lượng lao động trên 15 tuổi có tác động tới 85,39% sự tăng trưởng GDP bình quân đầu người của vùng.

Từ khóa: dữ liệu mảng, ODA, GDP bình quân đầu người, tăng trưởng kinh tế.

Impact of ODA capital on GDP per capita growth in some Vietnam's Northwestern provinces over 1993 - 2013 period

Abstract:

Assessing the impact of ODA capital on economic growth in general and GDP per capita in particular plays a crucial role. This study aims to examine the situation of attracting ODA capital in some Northwestern provinces (Son La, Dien Bien, Lai Chau) and the effectiveness of using ODA sources in 2006 – 2013 period. Quantitative method with OLS regression model and Panel data regression analysis is used to achieve the research objective. The research result shows that ODA capital made an immediate impact on GDP per capita in three target provinces and also affected the regional development 1 year later (lag 1). In addition, this study states that the domestic investment also made an immediate impact on regional GDP per capita. These two factors affect 83% of regional GDP per capita growth.

Keywords: Panel data, ODA, GDP, Economic growth

1. Giới thiệu

ODA đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các nước kém phát triển và đang phát triển. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển và có lượng thu hút ODA hàng năm vô cùng lớn. Theo đánh giá của Bộ Tài chính (2014), tính hết năm 2013 Việt Nam đã nhận được 25 tỷ USD vốn ODA, trong đó mới chỉ giải ngân được 5,1 tỷ USD và còn tồn lại 20,9 tỷ USD chưa được giải ngân. Theo tính toán của các chuyên gia Ngân hàng thế giới (WB), đối với các nước đang phát triển, nếu có các chính sách hợp lý thì nếu tăng nguồn vốn ODA 1% thì làm cho GDP có thể tăng lên tới 0,5%.

ODA có tác động không những về mặt kinh tế mà còn nhiều khía cạnh khác của địa phương khi nhận được nguồn vốn này. Có nhiều nhận định cho rằng nguồn vốn ODA có thể mang tới sự đoàn kết giữa các cá nhân trong xã hội và hòa bình hữu nghị giữa các nước trên thế giới (Sen, 1999). Bên cạnh đó, cũng có một số luận điểm cho rằng việc hỗ trợ ODA là việc phân phối tài sản: tài sản của người nghèo ở nước giàu có được chuyển sang cho người giàu có ở các nước nghèo (Bauer, 1969). Nhưng đó chỉ là một quan điểm nhỏ về vấn đề ODA, đa số mọi người đều có cái nhìn lạc quan hơn về tác động của ODA.

Trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá vốn đầu tư để tạo cơ sở vật chất nhằm nâng cấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội là một vấn đề lớn được đặt ra đối với nước này. Nguồn lực hạn chế trong nước không cho phép các nước này dễ dàng thực hiện những mục tiêu phát triển của mình. Kinh nghiệm của các nước công nghiệp mới (NICs) cho thấy trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá cần có sự trợ giúp từ các nguồn vốn bên ngoài. Sự phụ thuộc này sẽ giảm đi cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế và của nguồn vốn tích lũy trong nước. Khi xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực, ODA là nguồn bổ sung lớn và kịp thời giúp khôi phục lại nền kinh tế của các quốc gia bị ảnh hưởng. Nhờ các khoản tín dụng của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF và WB) mà các nước như Thái Lan, Hàn Quốc đã nhanh chóng phục hồi được nền kinh tế.

Là vùng bao gồm nhiều dân tộc thiểu số, gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội so với các tỉnh đồng bằng khác nói chung và khu vực phía Bắc nói riêng. Để phát triển kinh vùng cần có nguồn vốn đầu tư rất lớn trong cũng như ngoài nước. Với tình trạng

kinh tế và nhu cầu đầu tư vốn lớn như vậy nên việc thu hút vốn đầu tư nói chung và nguồn vốn hỗ trợ ODA nói riêng đóng vai trò hết sức quan trọng để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, để xem xét việc thu hút cũng như đầu tư này ra sao, hiệu quả đem lại như thế nào tác giả đã tiến hành nghiên cứu nhằm chỉ ra các vấn đề nêu trên đối với 3 tỉnh miền núi phía Bắc là Sơn La, Điện Biên và Lai Châu.

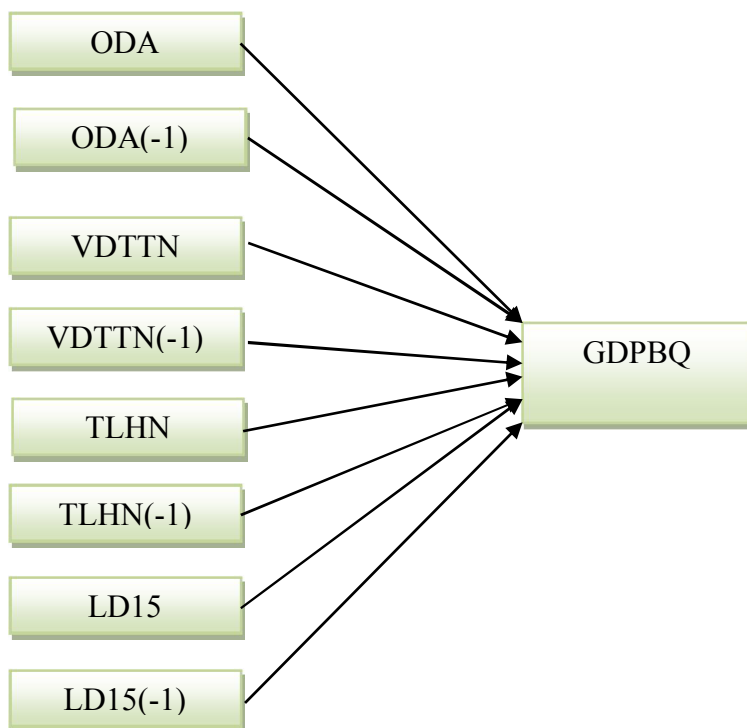
2. Tổng quan lý thuyết, mô hình nghiên cứu

Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (hay ODA, viết tắt của cụm từ Official Development Assistance), là một hình thức đầu tư nước ngoài. Yếu tố hỗ trợ của nguồn vốn này thể hiện ở chỗ khoản cho vay không lãi suất hoặc lãi suất thấp với thời gian vay dài và ở trong khoản này cũng có một phần nhất định là viện trợ không hoàn lại. Mục tiêu chính của các khoản đầu tư này là phát triển kinh tế và nâng cao phúc lợi ở nước được đầu tư nên bao hàm trong nó yếu tố phát triển. Yếu tố chính thức của nguồn vốn này thể hiện ở việc thường được ký kết giữa hai chính phủ, hay giữa chính phủ với tổ chức đa quốc gia.

Thu hút đầu tư vốn ODA vào địa phương nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, song việc sử dụng nguồn vốn này như thế nào, có đem lại hiệu quả cao hay không lại là một vấn đề cần được xem xét và nghiên cứu đối với từng địa phương. Đã có nhiều nghiên cứu về tác động của ODA lên sự tăng trưởng kinh tế. Nhiều nhà khoa học đã chỉ ra rằng nguồn vốn hỗ trợ có tác động tích cực lên tăng trưởng kinh tế (Easterly và các cộng sự, 2004; Moheyuddin, 2006; Minoiu và Reddy, 2010; Museru và các cộng sự, 2014; Adams và Atsu, 2014; Young và Sheehan, 2014). Cũng có kết quả đưa ra cho rằng tỷ lệ phần trăm nguồn vốn ODA so với GDP có tác động ngược chiều lên tăng trưởng kinh tế (Adams và Atsu, 2014; Driffield và Jones, 2006; Lensink 2003; Leff, 1969; Griffin, 1970; Shabbir và Mahmood, 1992)

Trong nghiên cứu này, nhằm phân tích ảnh hưởng của ODA lên tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng kinh tế được sử dụng với biến đại diện là GDP bình quân đầu người cho vùng nghiên cứu gồm 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu, nhóm tác giả sử dụng mô hình hồi quy bội nhằm xem xét riêng cho từng tỉnh và dữ liệu bảng xem xét đánh giá chung cho cả 3 tỉnh. Với các nghiên cứu trước, các tác giả trước mới chỉ dừng lại xem xét các yếu tố mang tác động tức thời mà chưa đánh giá các yếu tố độ trễ. Ở mô

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Trong đó:

Loại biến	Ký hiệu	Ý nghĩa
Biến độc lập	ODA	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức
	ODA(-1)	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức ở độ trễ 1
	vốn đầu tư trong nước	Tổng vốn đầu tư trong nước vào từng tỉnh
	vốn đầu tư trong nước (-1)	Tổng vốn đầu tư trong nước vào từng tỉnh ở độ trễ 1
	TLHN	Tỉ lệ hộ nghèo
	vốn đầu tư trong nước(-1)	Tỉ lệ hộ nghèo ở độ trễ 1
	LD15	Số lao động từ 15 tuổi trở lên
	LD15(-1)	Số lao động từ 15 tuổi trở lên ở độ trễ 1
Biến phụ thuộc	GDPBQ	GDP bình quân đầu người của tỉnh

hình này, nhóm tác giả đã khắc phục vấn đề trên. Khi thực hiện mô hình này, nhóm tác giả đã tham khảo mô hình nghiên cứu của Adams và Atsu (2014), Easterly và các cộng sự (2004), Moheyudin (2006), Driffield và Jones (2006), Leff (1969), Griffin (1970), Shabbir và Mahmood (1992) với yếu tố quan trọng là ODA, và mô hình của Lê Xuân Bá và các cộng sự (2008). Mô hình nghiên cứu của tác giả như hình 1.

3. Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu sau khi thu thập từ năm 1983 đến năm 2013 sẽ được đưa vào phần mềm EViews

8 để phân tích bao gồm các bước phân tích sau:

Thống kê mô tả mẫu: Mô tả những đặc trưng của mẫu nghiên cứu theo các dấu hiệu phân biệt được định sẵn.

3.1. Thực hiện hồi quy cho từng tỉnh

Đối với mỗi tỉnh tác giả thực hiện hồi quy riêng (thực hiện hồi quy 3 lần cho 3 tỉnh) để đánh giá riêng biệt cho từng tỉnh về tác động của ODA, vốn đầu tư trong nước vào từng tỉnh. Việc đánh giá riêng biệt sẽ đưa ra những kết quả có thể giống hoặc khác nhau về tác động của các yếu tố vốn này lên GDP bình quân đầu người của từng tỉnh. Bằng

phương pháp Enter tác giả tiến hành cho các biến nghiên cứu vào mô hình và thực hiện các kiểm định OLS để đưa ra mô hình tối ưu cuối cùng:

Kiểm định bỏ biến (thừa biến) cho mô hình; Kiểm định tự tương quan (BG test); Kiểm định phương sai sai số thay đổi (White test); Kiểm định sai dạng hàm (Ramsey test); Mức độ giải thích của mô hình R² nhận giá trị từ 0 tới 1 (Gurajati, 2003; Nguyễn Quang Dong và Nguyễn Thị Minh, 2013).

3.2. Thực hiện hồi quy tổng quát cho 3 tỉnh

Để đưa ra mô hình tổng quát đánh giá chung cho cả 3 tỉnh, các tác giả tiến hành sử dụng mô hình dữ liệu mảng (panel data) để xem xét mối quan hệ chung của ODA, vốn đầu tư trong nước vào các tỉnh. Các kết quả từ chạy mô hình sẽ cho chúng ta có những đánh giá chính xác về hiệu quả sử dụng ODA cũng như vốn đầu tư trong nước vào vùng (3 tỉnh), từ đó giúp cho các tỉnh có định hướng kế hoạch đúng đắn trong việc thu hút ODA vào địa phương mình.

Mô hình dữ liệu mảng có dạng tổng quát:

$$Y_{it} = \alpha + \beta_0 X_{1it} + \beta_1 X_{2it} + \dots + \beta_n X_{nit} + u_t$$

Trong đó: i là đơn vị chéo thứ i và t là thời gian thứ t

Y: Biến phụ thuộc

X: Biến độc lập

Mô hình nghiên cứu của các tác giả như sau:

$$GDPBQ = \alpha + \beta_0 ODA + \beta_1 \text{vốn đầu tư trong nước} + \beta_2 ODA(-1) + \beta_3 \text{vốn đầu tư trong nước}(-1) + \beta_4 LD15 + \beta_5 LD15(-1) + \beta_6 TLHN + \beta_7 TLHN(-1)$$

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mô tả mẫu nghiên cứu và ma trận tương quan

Sau khi có dữ liệu đã được thu thập, tác giả tiến hành phân tích dữ liệu nhằm đánh giá mức độ tác động của ODA lên tăng trưởng kinh tế theo mô hình nghiên cứu và phương pháp đã nêu trên.

Tỉnh Sơn La: Kết quả mô tả dữ liệu của tỉnh Sơn La cho thấy GDP bình quân đầu người của tỉnh tăng gần 12 lần từ 1,71 triệu đồng/người/năm vào năm 1993 lên tới 21,53 triệu đồng/người/năm vào năm 2013, và trung bình cả giai đoạn 1993 – 2013 GDP bình quân đạt 6,57 triệu đồng/người/năm. Giá trị ODA lớn nhất đạt 403,19 tỷ đồng vào năm 2012 và thấp nhất đạt 13,42 tỷ đồng năm 1993. Vốn đầu tư trong nước vào tỉnh luôn luôn đạt ở mức cao khi

trung bình mỗi năm vốn đầu tư trong nước vào tỉnh đạt 3,86 nghìn tỷ đồng lớn gấp 50 lần giá trị trung bình của ODA vào tỉnh trung bình hàng năm. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh vẫn nằm ở mức cao, mặc dù đã giảm đều qua các năm và đến năm 2013 chỉ còn 29,30%. Trung bình cả giai đoạn 1993 – 2013, tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo là 48,95%. Số lao động từ 15 tuổi trở lên đạt trung bình 0,96 triệu người/năm (Bảng 1).

Tỉnh Điện Biên: Giá trị GDP bình quân đầu người của tỉnh Điện Biên đạt 2,15 triệu đồng/người/năm thấp hơn so với GDP bình quân của tỉnh Sơn La. Về giá trị đầu tư ODA của tỉnh Điện Biên trung bình hàng năm là 54,06 tỷ đồng cũng thấp hơn so với tỉnh Sơn La (76,81 tỷ đồng/năm). Tương tự, giá trị vốn đầu tư trong nước vào tỉnh đạt 21,57 nghìn tỷ đồng/năm, lớn gấp 40 lần giá trị ODA đầu tư vào tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Điện Biên trung bình cả giai đoạn là 56,13%, lớn hơn tỉnh Sơn La (48,95%); tỉ lệ hộ nghèo thấp nhất của tỉnh là 33,72% vào năm 2009. Nguồn lao động trên 15 tuổi của tỉnh cũng nhỏ hơn tỉnh Sơn La rất nhiều (giá trị lớn nhất của tỉnh Điện Biên chỉ bằng 1/18 tỉnh Sơn La) (Bảng 1).

Tỉnh Lai Châu: GDP bình quân đầu người của tỉnh Lai Châu thấp nhất trong 3 tỉnh nghiên cứu (giá trị GDP bình quân đầu người của cả giai đoạn đạt 5,99 triệu đồng/người/năm). Giá trị ODA trung bình đạt 57,62 tỷ đồng/năm, lớn hơn so với tỉnh Điện Biên (54,06 nghìn tỷ đồng/năm) và nhỏ hơn so với tỉnh Sơn La (76,81 nghìn tỷ đồng/năm). Giá trị vốn đầu tư trong nước vào tỉnh đạt giá trị bình quân 1,96 nghìn tỷ đồng/năm gấp 34 lần ODA vào tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Lai Châu cao nhất ở mức 56,33%, đến năm 2013 tỷ lệ này giảm xuống còn 40,98%. Về lực lượng lao động trên 15 tuổi thấp hơn tỉnh Điện Biên, số lao động trung bình chỉ đạt 141,07 nghìn người (Bảng 1).

4.2. Phân tích hồi quy đánh giá tác động của ODA lên GDP tiểu vùng Tây Bắc

4.2.1. Phân tích hồi quy cho từng tỉnh riêng biệt

Sử dụng phương pháp hồi quy Enter và sử dụng các kiểm định thừa biến, kiểm định khuyết tật của mô hình, tác giả thu được kết quả hồi quy phân tích tác động của ODA cũng như vốn đầu tư trong nước vào lần lượt 3 tỉnh (Bảng 2). Kết quả phân tích cho từng tỉnh cho thấy, ODA chỉ có tác động tức thời và cùng chiều lên GDP bình quân của tỉnh Điện Biên, Lai Châu. Trong khi đó, ODA ở độ trễ 1 có tác động đối với tỉnh Sơn La và Lai Châu; Vốn đầu tư trong

Bảng 1: Thống kê mô tả dữ liệu

	Son La				
	GDPBQ (Nghìn đồng/người)	ODA (Triệu đồng)	Vốn đầu tư trong nước (Triệu đồng)	LD15 (Nghìn người)	TLHN (%)
Trung bình	6.572,09	76.815,30	3.869.604,00	965,19	48,95
Lớn nhất	21.535,73	403.195,00	13.575.380,00	5231,42	68,90
Nhỏ nhất	1.711,97	13.421,00	875.32100	354,00	29,30
	Điện Biên				
Trung bình	5.915,79	54.066,43	2.157.650,00	222,80	56,13
Lớn nhất	18.305,93	224.023,70	6.980.965,00	287,44	75,00
Nhỏ nhất	2.431,20	-	418.826,00	160,40	33,72
	Lai Châu				
Lớn nhất	5.992,50	57.625,55	1.960.375,00	141,07	56,33
Nhỏ nhất	14.427,00	243.533,00	5.948.813,00	242,39	75,00
Trung bình	3.510,10	-	418.826,00	79,55	26,55

Nguồn: kết quả từ phần mềm EVIEWS

nước vào tỉnh có tác động tức thời lên GDP bình quân đầu người tỉnh Sơn La; Vốn đầu tư trong nước vào tỉnh ở độ trễ 1 có tác động lên GDP bình quân của cả 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu.

4.2.2. Kết quả đánh giá mô hình chung cho cả 3 tỉnh

Tác giả sử dụng mô hình dữ liệu mảng (panel data) để phân tích sự tác động của vốn ODA và vốn đầu tư trong nước vào 3 tỉnh nghiên cứu. Với kiểm định Hausman đưa ra p-value bằng 0,84 lớn hơn 0,05 cho thấy mô hình Random effect phù hợp để nghiên cứu trong các bước tiếp theo. Tác giả tiến hành chạy mô hình và sử dụng hiệu chỉnh Robustness để hiệu chỉnh các khuyết tật có thể gặp phải cho thấy phần dư của mô hình có phân phối chuẩn, cho thấy mô hình hồi quy hoàn toàn bền vững để ước lượng tác động của ODA cũng như các nhân tố khác tới GDP bình quân của 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu (Bảng 3).

Kết quả hồi quy chung cho 3 tỉnh đưa ra giá trị ODA có tác động cùng chiều lên GDP bình quân của 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu; ODA có tác động sau một năm tới sự phát triển kinh tế của 3 tỉnh; điều này cũng đồng nghĩa với việc ODA có tác động chậm 1 năm sau khi bắt đầu có vốn ODA. Vốn đầu tư trong nước vào các tỉnh có tác động ngay và

có những giai đoạn có tác động chậm 1 năm lên GDP bình quân 3 tỉnh và có tác động cùng chiều. Ngoài ra, yếu tố về lực lượng lao động trên 15 tuổi có ý nghĩa trong việc ảnh hưởng lên thu nhập bình quân đầu người các tỉnh; bên cạnh đó yếu tố tỷ lệ hộ nghèo không có tác động lên giá trị GDP bình quân của 3 tỉnh.

Phương trình hồi quy có dạng:

$$\text{GDPBQ} = 1668,18 + 0,0182 \cdot \text{ODA}(-1) + 0,0011 \cdot \text{vốn đầu tư trong nước} + 0,5943 \cdot \text{LD15}$$

Mức ý nghĩa $R^2=0,8017$ cho thấy ODA và vốn đầu tư trong nước và LD15 giải thích được 85,39% sự thay đổi của GDP bình quân đầu người của 3 tỉnh Lai Châu, Điện Biên và Sơn La.

4.3. Thảo luận

4.3.1. Phân tích riêng với từng tỉnh

GDP bình quân đầu người của tỉnh Sơn La lớn hơn hai tỉnh còn lại là Điện Biên và Lai Châu. GDP bình quân của tỉnh Sơn La trung bình đạt 6,57 triệu đồng/người/năm trong khi GDP bình quân của tỉnh Điện Biên là 5,91 triệu đồng/người/năm và tỉnh Lai Châu là 5,99 triệu đồng/người/năm. Nhờ được đầu tư tốt hơn, tiềm năng phát triển lớn hơn, cũng như sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư hiệu quả hơn, Sơn La trong giai đoạn 1993 đến 2013 luôn là tỉnh có GDP đầu người cao nhất trong 3 tỉnh (Hình 2).

Bảng 2: Kết quả hồi quy cho từng tỉnh

	Son La			Điện Biên			Lai Châu		
	Beta	beta Chuẩn hóa	P-value	Beta	beta Chuẩn hóa	P-value	Beta	beta Chuẩn hóa	P-value
c	10837.01	-	0.0004	13594.45	-	0,3526	-4149,41	-	0,258
ODA	-0.00222	-0.03104	0.4966	0,006091	0.066571	0,2882	-0,00258	-0,05775	0,6279
ODA(-1)	0.007844**	0.111215	0.0391	0,006067	0.063555	0,2473	0,014373**	0,308842	0,0419
Vốn đầu tư trong nước	0.000429**	0.330062	0.0174	-0,00026	-0.11861	0,7793	-0,00066	-0,418	0,3952
vốn đầu tư trong nước(-1)	0.00052**	0.366797	0.0125	0,002598**	1.072015	0,0205	0,001861*	1,117142	0,0025
LD15	0.083799	0.016319	0.6652	-22,6971	-0.18573	0,5106	15,00522	0,315962	0,2903
LD15(-1)	-0.26868	-0.05265	0.1983	-11,749	-0.09568	0,6687	4,268301	0,085655	0,8603
TLHN	-112.482	-0.22427	0.2182	-149,452**	-0.41298	0,0182	10,33129	0,04832	0,7856
TLNH(-1)	-47.6736	-0.09526	0.5889	59,14515	0.161481	0,4928	75,09749***	0,356885	0,0877
Prob-F		0,000			0,000			0,000	
Adjusted R ²		0,98			0,97			0,94	
KĐ PSSS		0,92			0,61			0,08	
KĐ Tự tương quan		0,65			0,06			0,21	

Nguồn: Kết quả từ phân mềm EVIEWS

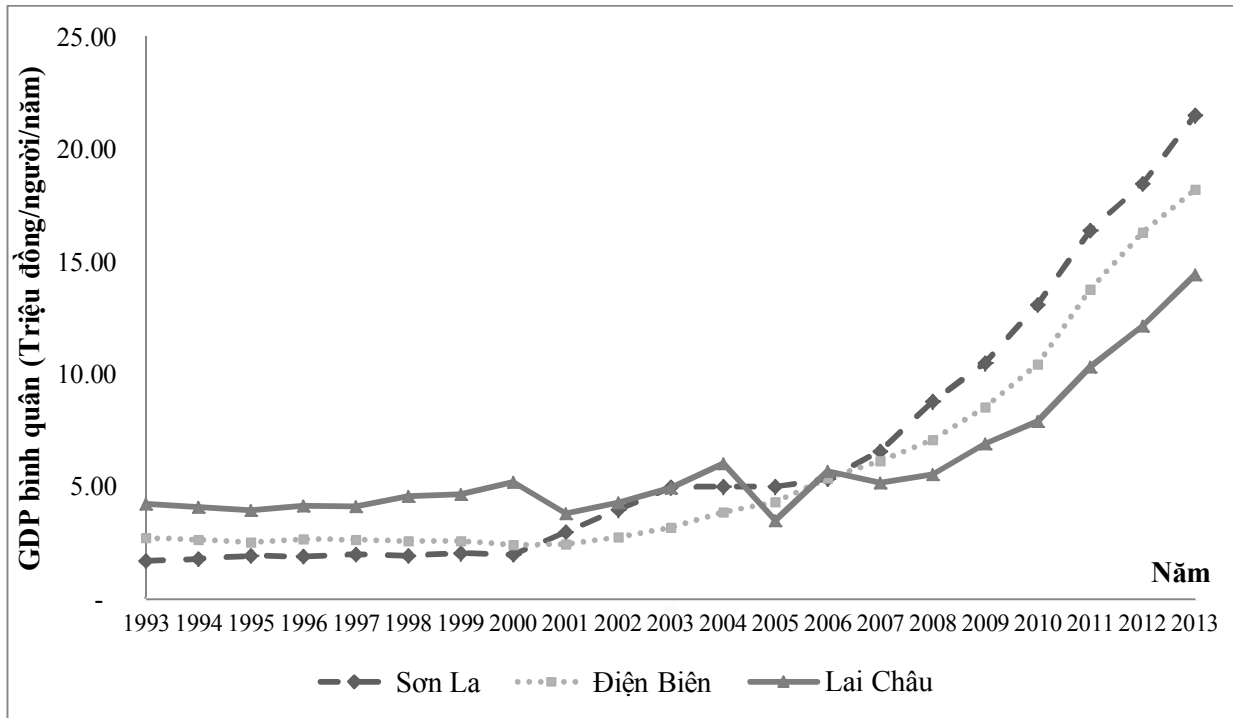
Bảng 3. Kết quả mô hình cuối cùng

Tên biến	Hệ số beta	Robust SE	p-value
Vốn đầu tư trong nước	0.0011**	0.00018	0.022
LD15	0,5943**	0,1150	0,035
ODA(-1)	0.0182**	0.015	0.007
C	1668,18	479,56	0,074
R ²	0,8539		
Hausman test	0,84		
Số quan sát N	63		

Kết quả từ phần mềm EViews

*có ý nghĩa thống kê ở 10%; ** có ý nghĩa thống kê ở 5%;*** có ý nghĩa thống kê ở 1%

Hình 2. Biểu đồ giá trị GDP bình quân



Nguồn: Tổng hợp số liệu từ niên giám thống kê tỉnh Sơn La, Điện Biên và Lai Châu

Về ODA thực tế giải ngân tỉnh Sơn La cũng là tỉnh có nguồn ODA lớn nhất trong 3 tỉnh với giá trị trung bình giai đoạn đạt 76,81 tỷ đồng/năm; tỉnh có vốn ODA lớn thứ hai là tỉnh Lai Châu (57,62 tỷ đồng/năm); và tỉnh Điện Biên có ODA thấp nhất với giá trị 54,06 tỷ đồng/năm.

Về nguồn vốn đầu tư trong nước vào các tỉnh cũng chỉ ra rằng tỉnh Sơn La được đầu tư với giá trị lớn nhất với giá trị trung bình đạt 3,86 nghìn tỷ đồng/năm. Nguồn vốn này lớn hơn 1,8 lần so với tỉnh Điện Biên (2,15 nghìn tỷ đồng/năm) và gấp 2

lần tỉnh Lai Châu (2,41 nghìn tỷ đồng/năm).

Từ các thống kê, có thể thấy rằng việc thu hút đầu tư trong nước cũng như nguồn vốn ODA có tác động tích cực tới việc phát triển kinh tế các tỉnh. Tỉnh Sơn La với đặc thù có lợi thế hơn về tiềm năng phát triển địa phương đã thu hút được lượng vốn đầu tư vào tỉnh lớn nhất trong 3 tỉnh nghiên cứu và cũng trở thành tỉnh có mức GDP bình quân lớn nhất.

Phân tích đánh giá riêng cho từng tỉnh đã chỉ ra rằng tác động của ODA lên GDP bình quân của các

tính có sự khác nhau nhất định khi mỗi tỉnh đều có các chính sách hay thực hiện triển khai nguồn vốn khác nhau. ODA chỉ có tác động sau 1 năm đầu tư (độ trễ 1) và cùng chiều lên GDP bình quân của tỉnh Sơn La và Lai Châu. Trong khi đó, ODA không có tác động tới GDP bình quân của tỉnh Điện Biên. Điều này cho thấy các tỉnh Sơn La và Lai Châu sử dụng hiệu quả nguồn ODA sau 1 năm nhận được vốn đầu tư, còn riêng với tỉnh Điện Biên việc đầu tư ODA dường như không có ý nghĩa làm tăng mức sống của người dân trong tỉnh.

Vốn đầu tư trong nước có tác động rõ rệt lên GDP bình quân của cả 3 tỉnh. Với tác động cùng chiều sau 1 năm khi có vốn đầu tư trong nước lên GDP bình quân cho thấy cả 3 tỉnh đều đạt hiệu quả sau 1 năm triển khai dự án có vốn đầu tư trong nước. Riêng đối với tỉnh Sơn La, việc triển khai nguồn vốn đầu tư trong nước đạt hiệu quả tức thời khi vốn đầu tư trong nước có cả tác động tức thời lên GDP bình quân của tỉnh.

Tỷ lệ hộ nghèo chỉ có ý nghĩa đối với tỉnh Điện Biên khi có tác động ngược chiều lên GDP bình quân. Kết quả này cho ta thấy việc giảm tỷ lệ hộ nghèo là nhân tố làm cho GDP bình quân của tỉnh tăng lên. Tuy nhiên, với 2 tỉnh còn lại là Sơn La và Lai Châu thì tỷ lệ hộ nghèo giảm không có ý nghĩa với GDP bình quân đầu người.

Lực lượng lao động trên 15 tuổi đều không có ý nghĩa tác động vào tăng trưởng GDP bình quân đầu người ở cả 3 tỉnh. Điều này cho thấy việc tăng tỷ lệ lao động ở từng tỉnh trong 3 tỉnh mặc dù không làm tăng GDP bình quân nhưng cũng chưa phải là gánh nặng cho nền kinh tế khi không có tác động ngược chiều.

4.3.2. Phân tích với chung 3 tỉnh

Nguồn ODA đầu tư vào các tỉnh có tác động mạnh sau 1 năm đầu tư tới tăng trưởng kinh tế của 3 tỉnh, cho thấy nguồn ODA đầu tư vào các tỉnh sau 1 năm mới bắt đầu có những tác động tới nền kinh tế của tỉnh, việc có nguồn vốn đầu tư để đưa tới hiệu quả về mặt kinh tế xã hội cũng cần có thời gian triển khai dẫn tới tác động trễ của ODA tới tăng trưởng kinh tế vùng là hoàn toàn hợp lý.

Đánh giá mức độ tác động của ODA và vốn đầu tư trong nước lên GDP bình quân cho thấy việc sử dụng vốn ODA có hiệu quả thấp hơn so với hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong nước vào tỉnh (Ngoại trừ có tỉnh Sơn La sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA

hơn so với vốn đầu tư trong nước). Vấn đề có thể nguồn vốn ODA vào tỉnh thấp hơn nguồn vốn trong nước nên dẫn tới sự tác động về quy mô là một khía cạnh rõ rệt nhất khi so sánh mức độ tác động của ODA lên tăng trưởng GDP bình quân so với mức độ tác động của nguồn vốn trong nước thu hút vào tỉnh.

Kết quả nghiên cứu của tác giả giống với kết quả nghiên cứu của Easterly và các cộng sự, 2004; Minoiu và Reddy, 2010; Moheyuddin, 2006 thực hiện tại các nước Châu Phi và Đông Á khi đưa ra kết quả có sự tác động của ODA ở giai đoạn trễ 1 (ODA đầu tư trong năm nay sẽ tác động tới phát triển kinh tế vào năm sau). Với các đặc điểm chung về nền kinh tế đang phát triển nên việc thu hút ODA cũng như sử dụng nguồn vốn ODA của 3 tỉnh mà tác giả nghiên cứu đều giống với nghiên cứu tại Châu Phi và Đông Á.

So sánh với nghiên cứu tại Việt Nam thì hai kết quả nghiên cứu có một số sự khác biệt đáng kể. Nghiên cứu của Lê Xuân Bá và cộng sự (2008) cho thấy cả hai giá trị ODA và vốn đầu tư trong nước đều có tác động cùng chiều lên giá trị GDP bình quân đầu người tại Việt Nam. Song các tác động này đều là tác động tức thời mà chưa có tác động của ODA của giai đoạn trước. Kết quả này có thể tương đồng với tỉnh Điện Biên và Lai Châu khi mà ODA có tác động tức thời lên GDP bình quân của tỉnh. Nhưng khi xét cùng lúc chung cho 3 tỉnh thì ODA tại 3 tỉnh có tác động tức thời và tác động trễ lên GDP bình quân của 3 tỉnh.

Vốn đầu tư trong nước có tác động tức thời lên tăng trưởng GDP bình quân của cả 3 tỉnh, cho thấy việc thực hiện các dự án bằng vốn đầu tư trong nước có hiệu quả tức thời hơn so với nguồn vốn ODA. Khía cạnh này cũng cho thấy việc thực hiện nguồn vốn đầu tư trong nước nhanh hơn so với triển khai nguồn vốn ODA.

Lực lượng lao động trên 15 tuổi không có tác động lên GDP bình quân của cả 3 tỉnh. Điều đó cho thấy lực lượng lao động gia tăng không có ý tác động rõ rệt đến việc làm gia tăng GDP bình quân ở các tỉnh này. Tuy nhiên, lực lượng lao động cũng không phải là gánh nặng rõ ràng cho nền kinh tế.

5. Kiến nghị

Những phân tích trên đây về tác động của ODA đến sự phát triển kinh tế của vùng (được thực hiện trên 3 tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) đã đưa ra bằng chứng cụ thể hơn về tầm quan trọng của vốn

đầu tư nói chung và nguồn vốn ODA nói riêng đến phát triển kinh tế của từng địa phương và của toàn khu vực. Do vậy, tăng cường thu hút ODA, đẩy nhanh tiến độ giải ngân ODA, huy động mọi nguồn lực trong thực hiện chương trình, dự án ODA ở các tỉnh tiểu vùng Tây Bắc là việc làm quan trọng và cấp bách. Để thực hiện được mục tiêu này, chúng tôi đề nghị:

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Ban chỉ đạo Tây Bắc, các bộ, ngành trung ương cần đẩy mạnh phối hợp trong thu hút ODA vào các tỉnh thông qua tổ chức hội thảo, hội nghị với các tổ chức tài trợ, giới thiệu nhu cầu sử dụng nguồn vốn ODA của các tỉnh trong khu vực.

Thứ hai, Ủy ban nhân dân các tỉnh và cơ quan liên quan cần đảm bảo đầy đủ và kịp thời vốn đối ứng cho các chương trình và dự án ODA để đạt tỷ lệ giải ngân nhanh nhất có thể, vấn đề giải ngân nhanh sẽ làm cho việc triển khai dự án đầu tư nhanh hơn

dẫn tới nền kinh tế sớm có bước phát triển với gói đầu tư đó. Việc thiếu nguồn lực đối ứng sẽ làm hạn chế tiến độ thực hiện dự án làm cho hiệu quả sử dụng ODA sẽ bị ảnh hưởng. Có như vậy, ODA sẽ phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh cũng như của cả vùng.

Thứ ba, Các tỉnh cần tăng cường huy động mọi nguồn lực trong nhân dân, đồng thời xây dựng cơ chế vận động thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, tổ chức hội thảo vận động xúc tiến đầu tư trên cơ sở các tiềm năng, thế mạnh sẵn có của địa phương và những lĩnh vực cần ưu tiên cho đầu tư phát triển trong giai đoạn đến 2020 và những năm tiếp theo.

Thứ tư, các cơ quan chức năng cấp trung ương cần có những chính sách và thể chế thích hợp để tạo môi trường cho các mô hình, phương pháp tiếp cận mới nhằm thu hút đầu tư vào tỉnh cũng như vùng. □

Tài liệu tham khảo

- Adams, S. và Atsu, F. (2014), 'Aid dependence and economic growth in Ghana', *Economic Analysis and Policy*, tập 44, số 2, trang 233 đến trang 242.
- Bauer, P. T. (1969), 'Dissent on development', *Scottish Journal of Political Economy*, tập 16, số 3, trang 75 đến trang 94.
- Bộ Tài Chính (2014), *Nền kinh tế đã có dấu hiệu chuyển biến tích cực*, truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2014 từ <http://nif.mof.gov.vn/portal/page/portal/nif/Newdetail?p_page_id=1&pers_id=42972397&item_id=129504516&p_details=1>.
- Driffield, N. và Jones, C. (2006), *Impact of FDI, ODA and Migrant Remittances on Economic Growth in Developing Countries: A Systems Approach*, *Economics & Strategy*, Aston Business School, trang 1 đến trang 44.
- Easterly, W., Levine, R. và Roodman, D. (2004), 'Aid, policies, and growth: comment', *American Economic Review*, tập 94, số 3, trang 774 đến trang 780.
- Gurajati, D.N. (2003), *Basic Econometrics*, McGraw Hill.
- Griffin, K.B. (1970), *Foreign Capital Domestic Savings and Development*, *Bulletin of Oxford University*, tập 32, số 2, trang 99 đến trang 112.
- Leff, N.H. (1969), 'Dependency Rates and Saving Rates', *American Economic Review*, tập 59, số 5, trang 886 đến trang 896.
- Lensink, R. (2003), 'The Institutional Economics of Foreign Aid', *Journal of Development Economics*, tập 72 số 1, trang 413 đến trang 417.
- Lê Xuân Bá, Nguyễn Thị Tuệ Anh và Ngô Minh Tuấn (2008), *Phân cấp quản lý vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ở Việt Nam - Chính sách thực ở địa phương*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Minoiu, C. và Reddy, S.G. (2010), 'Development Aid and Economic Growth: A Positive Long-Run Relation', *Quar-*

- terly Review of Economics and Finance*, tập 50, số 2, trang 1 đến trang 41.
- Moheyuddin, G. (2006), *Impact of Foreign Aid on Economic Development in Pakistan [1960-2002]*, Munich Personal RePEc Archive, trang 1 đến trang 18.
- Museru, Malimu, Toerien, Francois và Gossel, Sean (2014), 'The Impact of Aid and Public Investment Volatility on Economic Growth in Sub-Saharan Africa', *World Development*, tập 57, trang 138 đến trang 147.
- Nguyễn Quang Dong và Nguyễn Thị Minh (2013), *Giáo trình kinh tế lượng*, Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.
- Shabbir, T. và Mahmood, A. (1992), 'The Effects of Foreign Private Investment on Economic Growth in Pakistan', *Pakistan Development Review*, tập 31, số 4, trang 831 đến trang 841.
- Sen, A. (1999), *Development as Freedom*, Oxford University Press.
- Stern, N.H. (1974), 'Professor Bauer on development: A review article', *Journal of Development Economics*, tập 1, số 3, trang 191 đến trang 211.
- Young, A.T. và Sheehan, K.M. (2014), 'Foreign aid, institutional quality, and growth', *European Journal of Political Economy*, tập 36, trang 195 đến trang 208.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Lan Anh**, Thạc sỹ, NCS trường Đại học KTQD

- Tổ chức tác giả công tác: Giảng viên trường Đại học Tây Bắc,

- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Nghiên cứu ODA, phân tích tài chính doanh nghiệp.

- Một số tạp chí mà tác giả đã từng đăng tải: *Tạp chí Kinh tế và dự báo*; *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*; *Tạp chí Tài chính*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: lananhsonla@yahoo.com

**** Nguyễn Thị Bất**, Phó giáo sư, tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Giảng viên viện Ngân hàng – Tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu: Các vấn đề về tài chính công, Lý thuyết tài chính tiền tệ, Ngân hàng.

- Một số tạp chí mà tác giả đã từng đăng tải: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*; *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*; *Tạp chí Tài chính*; *Tạp chí Ngân hàng*

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: dongktqd@fpt.vn